

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2021

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Anh.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ N, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Đỗ Thị Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 30-10-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

không tìm được tiền nói chung, vợ chồng sống với nhau nhưng không có hạnh phúc, đã nhiều lần anh chị ngồi nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm, nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ cuối năm 2015 anh đã chuyển về quê sinh sống tại xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, anh chị ly thân từ đó đến nay, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị Q.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Đỗ Thị Q trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như anh Nguyễn Văn T đã trình bày. Nay anh T xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị hoàn toàn nhất trí ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T và chị Q thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Nguyễn Gia B, sinh ngày 02-01-2013, hiện nay đang ở với anh T. Tuy nhiên, anh chị không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung. Cả anh T và chị Q đều xin được nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu bên kia phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Anh T và chị Q thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Anh T và chị Q thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Q. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh

ngày 02-01-2013 cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi lao động, tự lập được. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của anh T. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T và bị đơn là chị Đỗ Thị Q đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với lý do đang phải thực hiện nghiêm quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Q là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 30-10-2011 tại UBND thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt, không có hạnh phúc. Đến cuối năm 2015 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên anh T đã về quê tại thôn X, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, anh chị li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay cả anh T và chị Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng nhất trí thuận tình ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa anh T và chị Q thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Q là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Anh T và chị Q có một con chung tên là Nguyễn Gia B, sinh ngày 02-01-2013, hiện nay đang ở với anh T. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo ổn định việc ăn ở, học hành của con. Mặc dù cả anh T và chị Q đều xuất trình chứng cứ chứng minh bản thân có thu nhập ổn định, song xét thấy hiện nay cháu B đang ở với anh T và được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng ăn học ổn định, có xác nhận của chính quyền địa phương xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Ngoài ra, bản thân cháu B cũng có nguyện

vọng được ở với bố, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng cháu B, chị Q không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Anh T, chị Q cùng thống nhất xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Anh T và chị Q thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 02-01-2013 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Chị Q không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của anh T.

Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B.

3. Án phí:

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005912 ngày 09-8-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (anh T đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho anh T số tiền 150.000 đồng.

- Chị Đỗ Thị Q phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND thị trấn Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thạo

